TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 741/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc : "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Q, sinh năm 1992; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ đăng ký tạm trú: Tổ 5, khu phố 3B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi C, sinh năm 1989; địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 5, khu phố 3B, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Q trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu, chị và anh Bùi C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010; đến năm 2011, chị và anh C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận kết hôn số 56,

đăng ký ngày 22/8/2011, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến tháng 6/2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không chăm lo làm việc, thường xuyên uống rượu bia. Chị và anh Cđã ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.3

Về con chung: Chị và anh Cương có 01 con chung tên Bùi K, sinh ngày 29/6/2011, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Bùi C, nhưng anh C không đến Tòa án làm việc theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Cương.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi C, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho bị đơn; tuy nhiên, tại thời điểm tống đạt văn bản tố tụng, bị đơn không có mặt tại địa phương. Căn cứ vào các quy định tại Điều 174; Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành lập các Biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo cho bị đơn và Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa xét xử. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Q, anh C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hà Q:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Q và anh Bùi C chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, đăng ký ngày 22/8/2011, hôn nhân là hợp pháp. Chị Q cho rằng, thời gian đầu chị và anh C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu, uống bia không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Xét thấy, trong quá trình tố tụng, anh Bùi C

đã được Tòa án tống đạt các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh phản bác lại đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q, chị Q và anh C đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Qvà anh C đã tới mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật. Do đó, cần cho chị Hà Q được ly hôn với anh Bùi C.

[2.2] Về con chung: Chị Hà Q và anh Bùi C có 01 con chung tên Bùi K, sinh ngày 29/6/2011. Chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi K, không yêu cầu anh C cấp dưỡng, yêu cầu này của chị Q là có căn cứ, bởi lẽ nguyện vọng của cháu K tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/9/2020 là được ở với chị Q, điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Qkhông yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét lời trình bày của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, nội dung vụ hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Q là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hà Q phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Q với bị đơn anh Bùi C.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Q được ly hôn với anh Bùi C.

Về con chung: Giao cho chị Hà Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Bùi K, sinh ngày 29/6/2011. Ghi nhận chị Hà Q không yêu cầu anh Bùi C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Q không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hà Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0048036 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương; chị Quỳnh đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Q, anh Bùi C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Cẩm Hằng